TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
T□NH CAO B□NG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đôc lâp - Tư do - Hanh phúc

Bản án số: 14 /2017/ HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2017
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hạp;

Bà Phùng Thị Phương.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Công Thị Xuân — Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nông ích Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 39/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017. Về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn*****:** Phan Bế T, sinh năm 1993

Trú tại: xóm N - xã M - huyện Phục Hòa - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

2. *Bị đơn*: Nông văn T, Sinh năm 1989

Trú tại: xóm N - xã T - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt) không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Bế T trình bày: Tôi (T) và anh T kết hôn vào ngày 31/12/2010, Việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, có thời gian sống chung hơn 03 năm và đã có với nhau một con chung tên là Phan Bế P sinh ngày 08/12/2012. Hiện nay cháu P đang ở với tôi tại xóm N, xã M, huyện P, Tỉnh Cao Bằng.

Nguyên nhân, lý do ly hôn: Trong thời gian sống chung tính tình không hợp, quan điển sống không đồng nhất hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, tôi phát hiện chồng tôi nghiện ma tuý tôi cùng gia đình khuyên bảo anh đi cai nghiện nhưng anh không nghe, mà còn chửi mắng bố mẹ tôi và đánh tôi. Sau nhiều lần mâu thuẫn anh tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ ngày 05/6/2013 nay tôi cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên tôi làm đơn ly hôn. Chúng tôi chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2013 đến nay.

Tài sản hồi môn ngày cưới, tài sản chung, tài sản riêng không có. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi và anh Nông Văn T được ly hôn; Về con cái tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Bế P và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Nông Văn T nhiều lần, để tiến hành các thủ tục như tự khai, lấy lời khai, hòa giải nhưng bị đơn đã cố tình lẩn tránh không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn được.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chị T cung cấp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TK phát biểu quan điểm: Căn cứ các Điều 68, 70, 71, 72 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Căn cứ các Điều 239, 242, 243, 247, 249, 250, 251, 253, 260 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Bế T yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra xem xét tại phiên toà, ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

[1] Chị T và anh T kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Cưới xong tình cảm vợ chồng bình thường, có thời gian sống chung hơn 03 năm và đã có với nhau một con chung tên cháu là Phan Bế P, sinh ngày 08/12/2012. Hiện nay cháu P đang ở với chị T tại xóm N, xã M, huyện P, tỉnh Cao Bằng

Nguyên nhân, lý do nguyên đơn trình bày: Trong thời gian sống chung tính tình không hợp, quan điển sống không đồng nhất hay xảy ra mâu thuẫn, chị T phát hiện anh T nghiện ma tuý. Mặc dù chị cùng gia đình khuyên bảo anh truyền đi cai nghiện nhưng anh không nghe mà còn chửi mắng bố mẹ và đánh đập chị T, sau nhiều lần mâu thuẫn anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, nay chị T cảm thấy tình cảm không còn hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị T làm đơn ly hôn. Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2013 đến nay.

[2] Đối với bị đơn anh Nông Văn T Tòa án đã triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T cố tình lẩn tránh không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Ngày 12/7/2017, Tòa án đã triệu tập anh Nông văn T đến trụ sở UBND xã T vào ngày 26/7/2017 nhưng anh không có mặt và cũng không báo lại lý do vắng mặt để Tòa án xem xét. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Nông Văn T được. Theo

nguồn tin của cơ sở của xóm và xã anh Nông Văn T có mặt tại địa phương, nhận đ- ợc giấy triệu tập của Tòa án nh- ng anh cố tình lẩn tránh không hợp tác với Tòa án để làm thủ tục giải quyết việc ly hôn với Phan Bế T.

[3] Tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T không còn tình cảm với anh T, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Xét thấy chị T và anh T đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2013 cho đến nay không còn tình cảm. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T không thể hàn gắn quay lại sống chung với nhau được, hơn nữa anh chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng trong một thời gian dài. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T làm đơn xin ly hôn với anh T là có căn cứ, đúng pháp luật và đúng với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[4] Về con chung Phan Bế P sinh ngày 08/12/2012 chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu anh Truyền cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[5] Tài sản: Tài sản hồi môn ngày cưới, tài sản chung, tài sản riêng không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

□p dụng khoản 1 điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

□p dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016, Qui định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Bế T và Anh Nông Văn T đ- ợc ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Bế P sinh ngày 08/12/2012 cho chị Phan Bế T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh

Nông Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Không có gì không yêu cầu Toà án giải quyết.

4.Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận Chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TK theo biên lai số AB/2012/00908, ngày 05/ 6 /2017. Anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nông Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND- TK;
- Các đương sự;
- THADS - TK;
- UBND xã T - TK;
- UBND xã M - P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

La Văn Viên